TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 156/2017/KDTM-ST
Ngày: 29 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Quang

Bà Nguyễn Thị Lương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2016/TLST- KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2017/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH kỹ thuật phòng cháy chữa cháy C

Trụ sở: đường A, Phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc C1, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: đường E, Phường G, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Bá T là Luật sư của Công ty Luật TNHH Q - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại D

Trụ sở: đường K, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: đường R (số mới: đường V), Phường S, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật.

(Ông C1, ông T có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2016 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc C trình bày: năm 2009 Công ty TNHH kỹ thuật phòng cháy chữa cháy C (sau đây gọi tắt là công ty C) và Công ty cổ phần Đ (tên mới là Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại D), (sau đây gọi tắt là Công ty D) ký kết 05 hợp đồng kinh tế với nội dung Công ty C cung cấp và lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động và hệ thống chống sét cho Công ty cổ phần Đ, cụ thể như sau: Hợp đồng kinh tế số: 05/03/09/HĐKT/CH-TS ngày 27/3/2009 với giá trị hợp đồng là 183.887.000 đồng, hợp đồng kinh tế số: 10/08/09/HĐKT/CH-TS ngày 01/8/2009 với giá trị hợp đồng là 91.000.000 đồng, hợp đồng kinh tế số: 12-08-09 ngày 19/8/2009 với giá trị hợp đồng là 250.000.000 đồng, hợp đồng kinh tế số: 01/01/10/HĐKT/CH-TS ngày 25/01/2010 với giá trị hợp đồng là 402.490.000 đồng, hợp đồng kinh tế số: 02/01/10/HĐKT/CH-TS ngày 25/01/2010 với giá trị hợp đồng là 444.950.000 đồng. Tổng cộng giá trị 05 hợp đồng là 1.372.327.000 đồng.Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty C đã thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, công ty Đ đã thanh toán tổng cộng số tiền là 505.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 867.327.000 đồng, hai bên tiến hành thanh lý các hợp đồng và ngày 31/12/2012 hai công ty lập biên bản đối chiếu công nợ với nội dung công ty Đ còn nợ công ty C tổng cộng số tiền là 867.327.000 đồng (tám trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng). Sau đó, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Đến năm 2016, hai bên tiến hành lập biên bản làm việc vào các ngày 10/3/2016, 11/3/2016, 14/3/2016, 21/3/2016 về việc giải quyết công nợ, ngày 30/3/2016 bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 867.327.000 đồng và cam kết thanh toán trong thời hạn 06 tháng nhưng không thực hiện. Nay công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty D trả cho công ty C số tiền gốc là 867.327.000 đồng (tám trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2017 theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 1,125%/tháng với số tiền là 546.416.010 đồng (năm trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười sáu ngàn không trăm mười đồng), tổng cộng là 1.413.743.010 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn không trăm mười đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty D có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình H không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của công ty C và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quốc C1 là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Công ty D trả cho công ty C số tiền

gốc là 867.327.000 đồng (tám trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2017 theo mức lãi suất là 1,125%/tháng với số tiền là 546.416.010 đồng (năm trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười sáu ngàn không trăm mười đồng), tổng cộng là 1.413.743.010 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn không trăm mười đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Phạm Bá T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn là Công ty D do ông Nguyễn Đình H là người đại diện theo pháp luật vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Công ty C có đơn khởi kiện Công ty D về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, do bị đơn là Công ty D có trụ sở tại: đường K, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Tại phiên tòa hôm nay, ông C1 là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, luật sư T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt, riêng ông H là đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]Về yêu cầu trả số tiền gốc của nguyên đơn: Ông C1 là đại diện nguyên đơn công ty C yêu cầu bị đơn Công ty D phải thanh toán số tiền gốc là 867.327.000 đồng (tám trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy Công ty D không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản xác nhận nợ ngày 30/3/2016 có đủ cơ sở xác định Công ty D còn nợ công ty C số tiền gốc là 867.327.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[4]Về yêu cầu trả số tiền lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2017 theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 1,125%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì: “trường hợp bên vi phạm hợp

đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Căn cứ vào bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012 bị đơn xác nhận đến ngày 31/12/2012 còn nợ nguyên đơn tổng cộng số tiền gốc 867.327.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 1,125%/tháng, công ty C yêu cầu công ty D thanh toán tiền lãi từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/8/2017 là 56 tháng với mức lãi suất 1,125%/tháng là có cơ sở chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau: 867.327.000 đồng x 1,125%/tháng x 56 tháng = 546.416.010 đồng.

Như vậy, tổng cộng, Công ty D phải trả cho Công ty C số tiền: 867.327.000 đồng (tiền gốc) +546.416.010 đồng (tiền lãi) = 1.413.743.010 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn không trăm mười đồng).

[5]Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay, ông C1 đại diện nguyên đơn công ty C yêu cầu Công ty D phải trả tiền cho công ty C một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào bản xác nhận nợ ngày 30/3/2016 bị đơn cam kết thanh toán trong thời hạn 06 tháng nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Công ty D phải trả tiền cho công ty C nên phải nộp tiền án phí theo quy định là 54.412.290 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm mười hai ngàn hai trăm chín mươi đồng).

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 26.035.254 đồng (hai mươi sáu triệu không trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng) cho công ty C theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0011792 ngày 05/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 50, 306 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH kỹ thuật phòng cháy chữa cháy C số tiền gốc: 867.327.000 đồng (tám trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi: 546.416.010 đồng (năm trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm mười sáu ngàn không trăm mười đồng), tổng cộng là 1.413.743.010 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn không trăm mười đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH kỹ thuật phòng cháy chữa cháy C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại D chậm thanh toán các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại D phải trả lãi chậm trả cho Công ty TNHH kỹ thuật phòng cháy chữa cháy C theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: 54.412.290 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm mười hai ngàn hai trăm chín mươi đồng) do Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại D nộp.

Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 26.035.254 (hai mươi sáu triệu không trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng) cho Công ty TNHH kỹ thuật phòng cháy chữa cháy C theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0011792 ngày 05/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH kỹ thuật phòng cháy chữa cháy C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa

đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương